

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**THIẾT TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG  
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN Dệt MAY  
PHÚ HÒA AN**

Sinh viên thực hiện  
Đặng Văn Tú  
Lớp: K49A- KDTM

Giáo viên hướng dẫn  
ThS. Võ Phan Nhật Phương

Khóa: 2015-2019

## Lời Cảm Ơn

Để có thể hoàn thành được bài báo cáo cá nhân này, ngoài những nỗ lực và cố gắng rất nhiều của bản thân, tác giả cũng đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ và hỗ trợ đến từ mọi người xung quanh. Đặc biệt em xin trân trọng cảm ơn ThS. Võ Phan Nhật Phoenix – Khoa Quản Trị Kinh Doanh trường Đại học Kinh Tế Huế đã hướng dẫn chỉ bảo và hỗ trợ tác giả trong thời gian nghiên cứu và hoàn thành đề khóa luận. Và xin cảm ơn tất cả các quý thầy cô Trường Đại học Kinh Tế Huế đã gần gũi, chia sẻ, cung cấp, trang bị cho tác giả các kiến thức rất bổ ích trong quá trình học tập. Điều này rất hữu ích và hết sức quan trọng trong kỳ thi tốt nghiệp và xa hơn là những hành trang cho tương lai sau này.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến toàn thể cô/chú, anh/chị trong công ty đã tận tình giúp đỡ, đã tạo điều kiện cũng như hỗ trợ tác giả trong thời gian thực tập. Giúp cho tác giả có thể hiểu rõ hơn về lịch sử hình thành, phát triển và hoạt động kinh doanh, quản lý trong **Công Ty Cổ Phần Đồ Gỗ Phú Hòa An**. Những đóng góp lao động đã giúp tác giả hoàn thành được bài khóa luận nghiên cứu này.

Và không thể quên được những người thân trong gia đình, bạn bè đã đồng hành, cổ vũ tinh thần trong suốt quá trình làm đề tài.

Nội dung trong bài báo cáo cá nhân này là những ghi nhận, nhận thức và nghiên cứu chủ quan của tác giả với các số liệu thực tế. Vì điều kiện thời gian, kiến thức còn hạn chế, kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều nên có thể nội dung trong bài làm sẽ có những phần chưa hợp lý và còn nhiều sai sót. Kính mong nhận được sự phê bình và đóng góp ý kiến đến từ quý thầy cô cùng bạn để bài làm được hoàn chỉnh hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

TT. Huế, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Sinh viên thực hiện

**Đặng Văn Tú**

**M C L C**

|                                                                                      |          |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>PH  N I: Đ  T V  N Đ  .....</b>                                                   | <b>1</b> |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.....                                         | 1        |
| 2. Câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu.....                                               | 2        |
| 2.1. Câu hỏi nghiên cứu.....                                                         | 2        |
| 2.2. Mục tiêu nghiên cứu:.....                                                       | 2        |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....                                              | 2        |
| 3.1. Đối tượng nghiên cứu:.....                                                      | 2        |
| 3.2. Phạm vi nghiên cứu:.....                                                        | 2        |
| 4. Phương pháp nghiên cứu:.....                                                      | 3        |
| 5. Kết cấu khóa luận:.....                                                           | 4        |
| <b>PH  N II: NỘI DUNG VÀ KẾT QU  NGHIÊN C  U.....</b>                                | <b>5</b> |
| <b>CH  NG 1: CƠ S  LÝ LU  N V  N Đ  KI  M SOÁT T  N KHO.....</b>                     | <b>5</b> |
| 1.1. Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu.....                                        | 5        |
| 1.1.1. Các vấn đề liên quan đến kiểm soát tồn kho.....                               | 5        |
| 1.1.1.1. Khái niệm, phân loại, vai trò của hàng tồn kho.....                         | 5        |
| 1.1.1.2. Mục tiêu và vai trò của hàng tồn kho.....                                   | 6        |
| 1.1.1.3. Đặc điểm của các loại hàng tồn kho.....                                     | 7        |
| 1.1.1.4. Các tiêu chí đánh giá công tác quản lý hàng tồn kho.....                    | 9        |
| 1.1.2. Hoạt động quản lý hàng tồn kho trong doanh nghiệp.....                        | 10       |
| 1.1.2.1. Khái niệm quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp.....                        | 10       |
| 1.1.2.2. Mục tiêu của quản lý hàng tồn kho trong doanh nghiệp.....                   | 11       |
| 1.1.3. Các chi phí liên quan đến hàng tồn kho.....                                   | 12       |
| 1.1.4. Hệ số vòng quay hàng tồn kho trong việc đánh giá hiệu quả quản lý tồn kho.... | 14       |
| 1.1.5. Lean trong tiến trình thiêu hóa tồn kho và kiểm soát lãng phí.....            | 15       |
| 1.1.5.1. Khái niệm Lean.....                                                         | 15       |
| 1.1.5.2. Loại bỏ lãng phí tồn kho.....                                               | 18       |
| 1.1.5.3. Mô hình lãng phí tồn trữ.....                                               | 19       |
| 1.2. Cơ sở thực tiễn của vấn đề nghiên cứu.....                                      | 21       |

|                                                                                                                                                        |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1.2.1. Tổng quan về sự phát triển của ngành dệt may Việt Nam .....                                                                                     | 21        |
| 1.2.1.1. Tổng quan ngành dệt may .....                                                                                                                 | 21        |
| 1.2.1.2. Các thị trường xuất khẩu dệt may chính.....                                                                                                   | 23        |
| 1.2.1.3. Các hiệp định và mức tiêu của ngành dệt may Việt Nam .....                                                                                    | 24        |
| <b>CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH QUẢN LÝ TÀI KHO VÀ NGUYÊN LEAN TRONG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY PHÚ HÒA AN.....</b> | <b>27</b> |
| 2.1. Tổng quan về công ty .....                                                                                                                        | 27        |
| 2.1.1. Giới thiệu về công ty. ....                                                                                                                     | 27        |
| 2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                         | 27        |
| 2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty Cổ Phần dệt may Phú Hòa An ...                                                                        | 28        |
| 2.1.4. Tổng quan về cấu trúc tài sản của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An.....                                                                       | 36        |
| 2.1.5. Cơ cấu lao động của Công ty giai đoạn năm 2016 – 2018.....                                                                                      | 40        |
| 2.1.6. Kết quả hoạt động kinh doanh.....                                                                                                               | 44        |
| 2.1.7. Giới thiệu về bộ phận kho CTCP Dệt May Phú Hòa An: .....                                                                                        | 47        |
| 2.2. Phân tích kiểm soát tài kho của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An .....                                                                          | 49        |
| 2.2.1. Khách hàng của công ty .....                                                                                                                    | 49        |
| 2.2.2. Giá trị hàng tồn kho của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An trong giai đoạn 2016 – 2018 .....                                                   | 50        |
| 2.2.3. Đánh giá các chỉ số hàng tồn kho.....                                                                                                           | 54        |
| 2.2.4. Quy trình nhập kho và kiểm tra nguyên liệu .....                                                                                                | 59        |
| 2.2.5. Thúc đẩy kho.....                                                                                                                               | 63        |
| 2.2.5.1. Các kho hàng .....                                                                                                                            | 63        |
| 2.2.5.2. Số của và và thúc đẩy kho hàng hóa .....                                                                                                      | 63        |
| 2.2.5.3. Thúc đẩy lao động trong kho .....                                                                                                             | 64        |
| 2.2.6. Đánh giá mức độ lãng phí tồn kho theo lý thuyết “Lean” .....                                                                                    | 65        |
| 2.2.7. Định nghĩa mức độ lãng phí thông qua phân tích chi phí tồn kho.....                                                                             | 70        |
| <b>CHƯƠNG 3: GIỚI THIỆU PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI KHO CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY PHÚ HÒA AN .....</b>                                     | <b>73</b> |
| 3.1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Dệt May Phú Hòa An.....                                                                                 | 73        |

|                                                                |           |
|----------------------------------------------------------------|-----------|
| 3.2. Giải pháp pháp lý và hoàn thiện quản lý tài sản kho ..... | 74        |
| <b>PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>                   | <b>78</b> |
| 1. Kết luận: .....                                             | 78        |
| 2. Kiến nghị .....                                             | 78        |
| 2.1. Đối với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế .....                    | 78        |
| 2.2. Đối với Công ty cổ phần Dệt may Phú Hoà An .....          | 79        |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>                                 | <b>80</b> |

**DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ VIẾT TẮT**

- |            |                                                           |
|------------|-----------------------------------------------------------|
| 1. NVLC    | Nguyên vật liệu chính.                                    |
| 2. XDCB    | Xây dựng công bản.                                        |
| 3. NPL     | Nguyên phụ liệu.                                          |
| 4. JIT     | Sản xuất kịp thời.                                        |
| 5. KCN     | Khu công nghiệp.                                          |
| 6. CTCP    | Công ty cổ phần.                                          |
| 7. VT-NPL  | Vật tư - Nguyên phụ liệu.                                 |
| 8. TNDN    | Thu nhập doanh nghiệp.                                    |
| 9. PTK     | Phụ trách kho.                                            |
| 10. P. PTK | Phó phụ trách kho.                                        |
| 11. CCDV   | Cung cấp dịch vụ.                                         |
| 12. KH-KD  | Khoạch-Kinh doanh.                                        |
| 13. TPP    | Hợp đồng Đầu tư xuyên Thái Bình Dương.                    |
| 14. CPTPP  | Hợp đồng Đầu tư Toàn diện và Tự do xuyên Thái Bình Dương. |
| 15. EVFTA  | Hợp định thương mại tự do Việt Nam.                       |
| 16. GTGT   | Giá trị gia tăng.                                         |
| 17. FTA    | Khu vực mậu dịch tự do.                                   |
| 18. QA     | Người chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng.                |
| 19. QC     | Người chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm.      |

**DANH MỤC BẢNG**

|                                                                                                           |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1.1 Các tiêu chí đánh giá công tác quản lý hàng tồn kho.....                                         | 9  |
| Bảng 1.2 Danh sách đánh giá lãng phí tồn kho .....                                                        | 20 |
| Bảng 1.2: Mục tiêu ngành dệt may đến 2030 .....                                                           | 26 |
| Bảng 2.1.: Cơ cấu tài sản Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An giai đoạn 2016-2018 .....                    | 36 |
| Bảng 2.2: Cơ cấu lao động của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An giai đoạn 2016 – 2018 .....              | 40 |
| Bảng 2.3: Tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An giai đoạn 2016-2018 ..... | 45 |
| Bảng 2.4. Thị trường xuất khẩu hàng dệt may của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An .....                  | 50 |
| Bảng 2.8: Giá trị tồn kho NPL được xác định tại thời điểm cuối năm 2018. ....                             | 70 |
| Bảng 2.9: Giá trị tồn kho và Chi phí tồn kho tại thời điểm 31/12/2018.....                                | 71 |

**DANH MỤC SƠ ĐỒ , BẢNG**

|                                                                                                                         |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sơ đồ 2.1 Cấu trúc chức năng máy quản lý Công Ty Cổ Phần dệt may Phú Hòa An .....                                       | 29 |
| Sơ đồ 2.3: Quy trình nhập kho và kiểm tra nguyên liệu.....                                                              | 60 |
| Sơ đồ 2.4: Quy trình vận chuyển nguyên phụ liệu đến khu sản xuất.....                                                   | 61 |
| Biểu đồ 1.1: Giá trị xuất khẩu ngành Dệt may Việt Nam trong giai đoạn 2000 - 2018 .....                                 | 21 |
| Biểu đồ 1.2: Thị trường xuất khẩu dệt may Việt Nam.....                                                                 | 23 |
| Biểu đồ 1.3: Biểu đồ cạnh tranh xuất khẩu dệt may sang Mỹ giữa Việt Nam và các nước .....                               | 24 |
| Biểu đồ 2.1 Cấu trúc lao động theo giới tính của Công Ty Cổ Phần dệt may Phú Hòa An giai đoạn 2016-2018.....            | 41 |
| Biểu đồ 2.2: Cấu trúc lao động của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An theo trình độ học vấn giai đoạn 2016-2018 .....   | 42 |
| Biểu đồ 2.3: Cấu trúc lao động của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An theo tính chất công việc giai đoạn 2016-2018..... | 43 |
| Biểu đồ 2.4: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An giai đoạn 2016-2018 .....              | 44 |
| Biểu đồ 2.5: % giá trị nhập kho và chi phí tồn kho năm 2016-2018.....                                                   | 71 |

**PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ****1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu**

Việc thúc đẩy thương mại và hội nhập quốc tế đang trở thành một xu thế tất yếu với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Nó đem lại nhiều lợi ích và tác động mạnh mẽ tới nhiều mặt thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Trong đó ngành dệt may được nhắc đến như là một hình mẫu tiêu biểu cho việc hội nhập đó.

Trong các năm gần đây, Việt Nam liên tục tham gia các Hiệp định thương mại quốc tế như Việt Nam - Hàn Quốc; Hiệp định Việt Nam - Liên minh kinh tế Á Âu; Hiệp định Việt Nam - Liên minh Châu Âu; Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, Hoa Kỳ tuyên bố rút khỏi TPP khiến Hiệp định không thể đáp ứng điều kiện có hiệu lực như dự kiến ban đầu. Đến tháng 11/2017, 11 nước thành viên TPP ra Tuyên bố chung thống nhất đổi tên TPP thành Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). CPTPP được chính thức ký kết vào tháng 3/2018 bởi 11 nước thành viên còn lại của TPP. Việt Nam nằm trong nhóm những nước đang phát triển và trên đà hội nhập với nền kinh tế thế giới nên việc đẩy mạnh xuất khẩu là một vấn đề cấp thiết đối với sự phát triển của đất nước. Và ngành dệt may là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn và là trọng điểm phát triển của Việt Nam. Bên cạnh việc thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì Việt Nam cũng đưa ra những định hướng rõ ràng và cơ sở cho ngành dệt may nhằm tạo điều kiện thuận lợi để có thể phát triển bền vững và tăng khả năng cạnh tranh khi mà xu hướng chuyển dịch của ngành dệt may đang hướng đến các nước đang phát triển. Tuy nhiên cùng với sự phát triển nhanh chóng, ngành dệt may Việt Nam đang bộc lộ rất nhiều mặt hạn chế, tiêu biểu là sự hiệu quả trong kinh doanh hầu hết các doanh nghiệp dệt may Việt Nam chưa cao. Hiện nay, vấn đề quản lý và cấp thiết nhất trong việc xây dựng hệ thống quản lý mà các doanh nghiệp phải đổi mới đó là quản lý hàng tồn kho. Thông thường tỷ lệ tồn kho chiếm khoảng 40% – 50% tài sản của doanh nghiệp và tỷ lệ hàng tồn kho sẽ phản ánh được phần nào đó tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó nếu doanh nghiệp tỷ lệ hàng tồn kho càng cao và tồn đọng càng nhiều cho phép thì nó sẽ phản ánh tình hình kinh doanh đang gặp khó khăn. Chính vì vậy, khi các doanh nghiệp quản lý tốt và hiệu quả vấn đề hàng tồn có thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi

cho lưu thông nguồn vốn, tiết kiệm được rất nhiều loại chi phí phát sinh bên hàng tồn kho. Đều thu được lợi trong việc quản lý tồn kho nhiều lý thuyết đã được phát triển trong đó lý thuyết “Lean” đang được áp dụng rộng rãi tại các nhà máy sản xuất. Mặc dù khả năng kiến thức còn hạn chế và chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng sau thời gian tham gia thực tập tại Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An tôi quyết định chọn đề tài **“Thức trạng và giải pháp hoàn thiện hoạt động quản lý tồn kho tại Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An”** sẽ là nội dung chính cho bài khóa luận tốt nghiệp. Với mong muốn có thể học tập và đóng góp một phần nhỏ khả năng của bản thân vào sự thành công chung của Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An.

## **2. Câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu**

### **2.1. Câu hỏi nghiên cứu**

- Các nhân tố nào ảnh hưởng đến hoạt động quản lý tồn kho của Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An?
- Thức trạng hoạt động quản lý tồn kho tại Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An?
- Làm thế nào để hoàn thiện hoạt động quản lý tồn kho của Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An?

### **2.2. Mục tiêu nghiên cứu:**

#### **2.2.1. Mục tiêu tổng quát**

- Hiểu thế hệ hóa lý luận và thực tiễn về quản lý tồn kho.

#### **2.2.1. Mục tiêu cụ thể**

- Đánh giá hoạt động quản lý tồn kho tại Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An hiệu quả như thế nào?
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý tồn kho tại Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu:**

Thức trạng hoạt động quản lý tồn kho của Công ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu:**

- Phạm vi nội dung: Khóa luận nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quản lý tồn kho tại Công ty Cổ phần dệt may Phú Hòa An.
- Phạm vi không gian: Công ty Cổ phần dệt may Phú Hòa An – KCN Phú Bài - Huyện Thủy – Thừa Thiên Huế.
- Phạm vi thời gian: Số liệu thu thập, phân tích, đánh giá trong giai đoạn 2016-2018.
- Thời gian thực hiện đề tài nghiên cứu: Từ 14/01/2019 đến 21/04/2019.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

##### **Phương pháp thu thập số liệu:**

##### **❖ Thu thập số liệu sơ cấp**

Số liệu được thu thập thông qua quá trình thực tập, nghiên cứu tại Công Ty Cổ phần Dệt May Phú Hòa An. Các phương pháp chủ yếu để thu thập được số liệu này là:

- Phương pháp phân tích thống kê: Thông qua số liệu thu thập được, ta tiến hành đánh giá, phân tích một cách có hệ thống.
- Phương pháp so sánh: Đưa ra các số liệu có tính so sánh với tài liệu tồn kho thay đổi qua từng năm để thấy được xu hướng và đưa ra giải pháp.
- Phương pháp chuyên gia: Tham khảo ý kiến nhân viên kho và hoạt động quản lý tồn kho để đưa ra các nhận định chính xác hơn. Áp dụng mô hình Lean để đánh giá số lãng phí của hoạt động tồn kho.
- Quan sát thực nghiệm: Quan sát hoạt động quản lý tồn kho, theo dõi quá trình xuất nhập kho, xem xét và ghi chép các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu.

##### **❖ Thu thập số liệu thứ cấp**

- Thu thập các thông tin, số liệu về tình hình kinh doanh, lưu hàng tồn kho, tình hình lao động... của Công Ty Cổ phần Dệt May Phú Hòa An từ năm 2016 đến 2018.
- Tìm kiếm tài liệu thông qua báo chí, Internet.
- Thu thập thông tin từ Website của công ty.

**5. Kết cấu khóa luận:**

Gồm 3 phần:

**PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ**

**PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Chương 1:** Cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn về vấn đề nghiên cứu.

**Chương 2:** Đánh giá quy trình quản lý tồn kho và ứng dụng Lean trong đánh giá hiệu quả quản lý tồn kho tại Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An.

**Chương 3:** Giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm soát tồn kho và hệ thống hỗ trợ ra quyết định của Công Ty Cổ Phần Dệt May Phú Hòa An.

**PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.**

**PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU****CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NỀN KIỂM SOÁT TÍN KHO****1.1. Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu.****1.1.1. Các vấn đề liên quan đến kiểm soát tín kho****1.1.1.1. Khái niệm, phân loại, vai trò của hàng tín kho**

Hàng tín kho là gì?

Hàng tín kho là những mặt hàng sẵn phẩm để các doanh nghiệp gửi để bán ra sau cùng. Nói cách khác, hàng tín kho là những mặt hàng để trả mà một công ty sẵn xuất ra để bán và những thành phần tạo nên sẵn phẩm. Do đó, hàng tín kho chính là sự liên kết giữa việc sản xuất và bán sẵn phẩm để ng thời là một bộ phận của tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng lớn, có vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hàng tín kho ở đây không những là thành phẩm trong kho thành phẩm mà còn là:

- Sản phẩm dở dang chưa hoàn thành.
- Nguyên vật liệu tín kho, linh kiện sản xuất, công cụ sản xuất tín kho.
- Chi phí dịch vụ dở dang.
- Thành phẩm đang trên đường vận chuyển.

Xét về khía cạnh tài chính, hàng tín kho để để xem là một loại tài sản lưu động. Là loại tài sản ngắn hạn và thường xuyên luân chuyển trong quá trình sản xuất-kinh doanh.

Theo Larousse, hàng tín kho có hai ý nghĩa chủ yếu sau:

Thứ nhất, là toàn bộ hàng hóa có mặt trên thị trường hoặc trong cửa hàng.

Thứ hai, là tập hợp tất cả hàng hóa, nguyên liệu ban đầu, sản phẩm trung gian, hay sản phẩm cuối cùng... thuộc quyền sở hữu của cùng một xí nghiệp.

Nếu chúng ta thu hẹp trong một xí nghiệp, thì định nghĩa thứ nhất có liên quan đến biết đến các xí nghiệp có chức năng phân phối sản phẩm (siêu thị, các xí nghiệp bán hàng qua điện thoại hoặc trực tuyến...). Các xí nghiệp này cũng có các vấn đề quản trị như những xí nghiệp khác, nhưng chúng có tầm quan trọng hơn:

- Quan hệ đối với người cung ứng hàng hóa: Xác định phương thức mua hàng,

kỳ hạn sản xuất và giao hàng, thông lệ thông giá (theo số lượng).

- Chính sách bán hàng: siêu thị được bán giảm giá tối thiểu phần trăm trong năm, quảng cáo catalogue, cam kết kỳ hạn giao hàng (trong vòng 48 giờ), thông lệ thanh toán hàng hóa (dịch vụ sau khi bán).

- Việc phân phối: bố trí các kho trung chuyển, chọn phương tiện chuyên chở và phân phối (dịch vụ bưu điện, chuyên chở bằng đường sắt hay đường bộ....) xác định chu trình giao hàng (hàng ngày, hàng tuần hay mỗi khi có đơn hàng).

Định nghĩa thứ hai có liên quan đến các xí nghiệp sản xuất hay chế biến. Theo tác giả P. Vrat viết trong cuốn sách Materials Management năm 2014 thì trong các xí nghiệp thông thường có 4 loại hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho đầu nguồn, là giao diện giữa người cung cấp và xí nghiệp, gồm nguyên vật liệu, thành phẩm cung cấp cho dây chuyền sản xuất.

- Hàng tồn kho sản phẩm trung gian (tồn kho đệm hay đang dang dở): tồn kho các sản phẩm đang trong quá trình sản xuất giữa các máy hoặc phân xưởng.

- Hàng tồn kho cuối nguồn: thành phẩm sẵn sàng chuyển đi, đến với khách hàng hay người đặt hàng.

- Hàng tồn kho của nhà cung cấp hay phân tử thay thế của các máy móc, các dụng cụ hay vật liệu dùng để bảo trì...

#### 1.1.1.2. Mục tiêu và vai trò của hàng tồn kho

Theo cách chuyên gia thông kê thì hàng tồn kho thông thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tài sản của doanh nghiệp (thông lệ khoảng 40-50%) vì thế việc quản lý, kiểm soát hàng tồn kho tốt sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng góp phần giảm bớt cho quá trình sản xuất liên tục của doanh nghiệp. Việc quản trị hàng tồn kho có hai vấn đề trái ngược nhau là: giảm bớt việc sản xuất liên tục, không bị gián đoạn, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng thì cần phải duy trì một kho i lượng hàng tồn kho lớn nhưng nếu việc duy trì một kho i lượng hàng tồn kho lớn như thế thì đến đến việc chi phí quản lý nó sẽ tăng cao.

Quản trị hàng tồn kho là một phương pháp lên kế hoạch để xác định khi nào thì đặt hàng và lượng đặt hàng là bao nhiêu để chi phí cho việc đặt hàng và chi phí lưu kho được hiệu quả tối ưu mà không làm sản xuất bị gián đoạn. Quản trị hàng tồn kho

còn bên là giới quy định hai vấn đề chính đó là:

- + Khi nào thì nên đặt hàng?
- + Lượng đặt hàng là bao nhiêu?

Mục tiêu hàng đầu của quản trị hàng tồn kho là phải cung cấp đầy đủ sản phẩm cho khách hàng và tránh tình trạng thiếu hụt hàng. Để làm được điều này cần phải chi phí cho việc lưu kho, để trả lại thị trường. Duy trì đầy đủ lượng tồn kho của tất cả các mặt hàng và phải đảm bảo chi phí quản lý trong giới hạn mong muốn. Bên cạnh đó, phải có nhiệm vụ kịp thời bổ sung những nguồn lực trong sản xuất. Việc quản trị hàng tồn kho cung cấp một cơ sở khoa học để lên kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cho việc mua và bán.

Việc quản trị hàng tồn kho một cách khoa học sẽ có những lợi ích như cải thiện mối quan hệ với khách hàng vì khi quản trị hàng tồn kho tốt thì có thể giao hàng kịp thời cho khách hàng, sản xuất liên tục và không bị gián đoạn, sẽ dòng hiệu quả và lưu động và giúp giảm thiểu tồn thất, loại bỏ khả năng trùng lặp khi đặt hàng.

#### 1.1.1.3. Để đảm bảo các loại hàng tồn kho

Các loại hàng tồn kho chủ yếu của một doanh nghiệp gồm 3 thành phần chính: Nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm.

##### a) Hàng tồn kho trong cung ứng (nguyên vật liệu):

Là một trong những yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nói đến hoạt động quản lý tồn kho của doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu được nhắc đến đầu tiên. Quản lý tốt khâu mua, để trả và sẽ dòng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu sẽ dòng trong doanh nghiệp bao gồm rất nhiều loại, mỗi loại có vai trò công dụng khác nhau. Vì điều kiện nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phân loại nguyên vật liệu tốt thì mới có thể thực hiện tốt việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu.

Trong thực tế của công tác quản lý và hạch toán của các doanh nghiệp, việc phân loại phân bổ nguyên vật liệu thông dụng nhất là theo vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Theo cách phân loại này, nguyên vật liệu thường được phân ra làm các loại sau:

- Nguyên liệu và vật liệu chính (NVLC): Là nguyên liệu, vật liệu mà sau quá trình gia công chế biến sẽ cấu thành hình thái vật chất của sản phẩm. Nguyên liệu ở đây chính là các đầu tư lao động chế biến công nghiệp.

- Vật liệu phụ: Là những vật liệu có tác động phụ trong quá trình sản xuất – kinh doanh, được sử dụng kết hợp với NVLC để hoàn thiện và nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công tác lao động hoặc để bình thường, hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- Nhiên liệu: Là những thứ dùng để tạo nhiệt năng như than đá, củi, xăng, dầu... Nhiên liệu trong các doanh nghiệp thực chất là một loại vật liệu phụ, tuy nhiên nó được tách ra thành một loại riêng vì việc sản xuất và tiêu dùng nhiên liệu chỉm một tỷ trọng nhỏ và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nhiên liệu cũng có yêu cầu và kỹ thuật quản lý hoàn toàn khác với các loại vật liệu phụ thông thường.

- Phụ tùng thay thế: Là loại vật tư được sử dụng cho hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

- Thiết bị và vật liệu XD CB: Là các loại thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động xây lắp, xây dựng công trình.

- Vật liệu khác: Là các loại vật liệu được chế tạo ra từ ngành công nghiệp hoặc phụ liệu thu hồi.

### **b) Hàng tồn kho trong sản xuất (bán thành phẩm):**

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là một loại hàng tồn kho dù ít dù nhiều cũng luôn tồn tại ở các doanh nghiệp. Bán thành phẩm là những sản phẩm mà khi kết thúc quy trình công nghệ sản xuất (trừ công đoan cuối cùng) được nhập kho hay chuyển giao để tiếp tục chế biến hoặc có thể bán ra ngoài. Tồn kho bán thành phẩm thường có thể phân thành ba loại hình: bán thành phẩm vốn chuyển, bán thành phẩm quay vòng, bán thành phẩm an toàn, được lập ra để thiếp lập bởi các mục đích khác nhau, để theo dõi chi tiêu riêng biệt của các nguyên nhân khác nhau.

Khi tồn kho bán thành phẩm được giảm thiểu sẽ có thể đem đến nhiều kết quả như:

- Sản lượng tồn kho bán thành phẩm có hai hiệu ứng quan trọng đối với việc rút ngắn chu kỳ sản xuất – và giảm thiểu các định luật Litte, và tăng mức độ, và giảm

chi phí liên và rút ngắn chu kỳ sản xuất nhằm tối thiểu hai đích.

- Việc giảm sản lượng bán thành phẩm còn rút ngắn chu kỳ sản xuất, khiến cho biên độ dao động của thời gian hoàn thành gia công linh kiện sản phẩm được rút ngắn, từ đó tăng tính kho động phòng cần thiết lập sản phẩm giảm đi.

### c) Hàng tồn kho trong tiêu thụ (thành phẩm):

Là sản phẩm đã được chế tạo xong ở giai đoạn chế biến cuối cùng của quy trình công nghệ trong doanh nghiệp, được kiểm nghiệm để tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và nhập kho. Thành phẩm được sản xuất ra với chất lượng tốt, phù hợp với yêu cầu của thị trường đã trở thành yêu cầu quyết định sản phẩm còn của doanh nghiệp. Việc duy trì, ổn định và không ngừng phát triển sản xuất của doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện được khi chất lượng sản phẩm sản xuất ra ngày càng tốt hơn, đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

Nhiệm vụ đặt ra với các nhà quản lý doanh nghiệp là kiểm soát được tình hình nhập, xuất kho thành phẩm, các nghiệp vụ khác liên quan đến việc tiêu thụ thành phẩm vì chỉ có như vậy mới xác định chính xác kết quả sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.

#### 1.1.1.4. Các tiêu chí đánh giá công tác quản lý hàng tồn kho

**Bảng 1.1 Các tiêu chí đánh giá công tác quản lý hàng tồn kho**

| STT | Tiêu chí đánh giá                                                          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Các chi phí liên quan đến hàng tồn kho.                                    | - Chi phí đặt hàng (Inventory ordering costs)<br>- Chi phí tồn trữ (Inventory carrying costs)<br>- Chi phí mua hàng (Inventory Acquisition)                                                                                                                    |
| 2   | Hệ số vòng quay hàng tồn kho trong việc đánh giá hiệu quả quản lý tồn kho. | - Hệ số vòng quay hàng tồn kho thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho. Vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Hệ số vòng quay hàng tồn kho được xác định bằng giá trị hàng bán chia cho bình quân hàng tồn kho. |

|   |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | Lean manufacturing | <p>Gồm có 6 nguyên lý cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên lý 1: Nhận diện các lãng phí.</li> <li>- Nguyên lý 2: Các quá trình tiêu chuẩn.</li> <li>- Nguyên lý 3: Dòng chảy liên tục.</li> <li>- Nguyên lý 4: Chỉ kéo kéo trong sản xuất.</li> <li>- Nguyên lý 5: Chặt chẽ trong quá trình.</li> <li>- Nguyên lý 6: Cải tiến liên tục.</li> </ul>                                                                 |
| 4 | Các loại lãng phí  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãng phí tồn kho (Inventory).</li> <li>- Lãng phí vận chuyển (Transportation).</li> <li>- Khuyết tật (Defects).</li> <li>- Lãng phí sửa sai (Correction).</li> <li>- Lãng phí thao tác (Motion).</li> <li>- Lãng phí chờ đợi (Waiting).</li> <li>- Các hoạt động tạo giá trị.</li> <li>- Các hoạt động không tạo giá trị.</li> <li>- Các hoạt động không tạo giá trị nhưng cần thiết.</li> </ul> |

### 1.1.2. Hoạt động quản lý hàng tồn kho trong doanh nghiệp

#### 1.1.2.1. Khái niệm quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp

Quản lý hàng tồn kho là việc kiểm soát các hoạt động nhập khẩu, hoạch định, thu mua, tiếp nhận, cất trữ, vận chuyển và phân phối hàng hóa tồn kho đáp ứng nhu cầu sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Nói cách khác, quản lý hàng tồn kho là công tác:

- Đảm bảo cho hàng hóa có đủ số lượng và chất lượng, không làm cho quá trình bán hàng bị gián đoạn, góp phần nâng cao chất lượng kinh doanh và tránh tình trạng hàng hóa.
- Đảm bảo giữ gìn hàng hóa với mức giá trị và giá trị sử dụng, góp phần làm giảm hao hụt, mất mát, gây tổn thất về tài sản cho doanh nghiệp.
- Đảm bảo cho lượng vốn của doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái vật chất một

đồng thời ưu nhậm tăng hiệu quả vận hàng hóa và góp phần làm giảm chi phí báo quẩn hàng hóa.

(Nguồn: PGS. TS. Nguyễn Thu Thủy (2011), Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Lao Động, Hà Nội)

#### 1.1.2.2. Mục tiêu của quản lý hàng tồn kho trong doanh nghiệp

Cũng như những tài sản khác, việc tồn trữ hàng tồn kho là một quyết định chi tiêu tiêu. Để xác định mức đầu tư vào hàng tồn kho cần so sánh lợi ích đầu tư và chi phí phát sinh kèm chi phí của hai của tiến độ đầu tư vào hàng tồn kho. Sau đây là phân tích về lợi ích cũng như chi phí của việc giữ hàng tồn kho của doanh nghiệp.

Lợi ích Việc giữ hàng tồn kho đem lại một số lợi ích cho doanh nghiệp như sau:

- Thứ nhất, nếu chấp nhận đầu tư hàng tồn kho, doanh nghiệp có thể mua hàng với số lượng lớn (lớn hơn nhu cầu sử dụng hiện tại) để được hưởng chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp. Điều này làm giảm chi phí giá vốn hàng bán, từ đó tăng lợi nhuận của doanh nghiệp;

- Thứ hai, việc đầu tư hàng tồn kho đảm bảo nguồn cung cấp ổn định cho khâu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong trường hợp hợp doanh nghiệp dự đoán rằng hàng hóa, nguyên vật liệu sẽ trở nên khan hiếm trong tương lai;

- Thứ ba, việc đầu tư hàng tồn kho đảm bảo mức giá ổn định của các hàng hóa phục vụ cho nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp trong trường hợp hợp doanh nghiệp dự đoán rằng trong tương lai giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu sẽ tăng;

- Thứ tư, sản phẩm đang là một bộ phận của hàng tồn kho, việc lưu trữ sản phẩm đang làm cho mọi công đoạn của quá trình sản xuất trở nên dễ dàng với nhau vì công đoạn sau không phải chờ đợi công đoạn trước. Điều đó làm tăng hiệu quả của các công đoạn trong khâu sản xuất, tối thiểu hóa chi phí do giảm thời gian chờ và ngừng trễ giữa các khâu;

- Thứ năm, thành phẩm là một bộ phận của hàng tồn kho, việc tồn trữ thành phẩm mang lại lợi ích cho cả bộ phận sản xuất và bộ phận marketing của doanh nghiệp

### 1.1.3. Các chi phí liên quan đến hàng tồn kho

Tiêu chí để đánh giá một doanh nghiệp có thể có quĩn trữ hàng tồn kho tốt hay không đó là "chi phí hàng tồn kho" có thấp hay không. Việc quĩn trữ hàng tồn kho liên quan đến các loại chi phí cơ bản sau:

- **Chi phí đặt hàng (Inventory ordering costs)**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến việc thiết lập đơn hàng bao gồm:

- Chi phí tìm nguồn hàng.
- Chi phí thực hiện quy trình đặt hàng (giao dịch, ký kết hợp đồng).
- Các chi phí chuần bị và vận chuyển hàng đến kho của doanh nghiệp.
- Chi phí thuê và khấu hao không gian sử dụng các văn phòng, chi phí tiếp nhận và thanh tra, chi phí thực hiện thanh toán.

- **Chi phí tồn trữ (Inventory carrying costs)**

Là những chi phí phát sinh trong việc thực hiện hoạt động lưu trữ. Những chi phí này có thể được kể như sau:

+ Chi phí lưu trữ : bao gồm nhiều chi phí cho việc thuê kho hàng, phải cần nhiều thuê không gian cần thiết để lưu trữ vật tư hoặc chi nhiều tiền cho mua đất đai, nhiều tiền hơn để xây dựng nhà kho, kệ hàng, với bất che dầy, các hàng míc bảo vệ khác, kiểm soát dịch hại... Ngoài ra, nhà kho lưu trữ hàng tồn trữ có khu hao tổn phần trăm mỗi năm, kết thúc thời gian sử dụng.

+ Chi phí vận chuyển: Đầu tư vào tồn kho phải được xét như một cái gì đó đầu tư ngắn hạn khác. Trong điều kiện nguồn vốn có hạn, đầu tư vào hàng tồn kho phải chấp nhận phí tồn trữ cái gì đó vận. Phí tồn trữ cái gì đó vận đầu tư vào tồn kho là một suất sinh lợi của đầu tư có lợi nhất đã bỏ qua. Sự gia tăng tồn kho làm tăng vốn cho tồn kho, và chấp nhận phí tồn trữ cái gì đó cao.

+ Thuế và bảo hiểm: Chi phí chính là các rủi ro gắn với quĩn lý hàng tồn kho, đến và có thể phải tốn chi phí bảo hiểm, chi phí này sẽ tăng khi tồn kho tăng. Tồn kho là một tài sản, nó có thể bị đánh thuế, do đó tồn kho tăng chi phí thuế sẽ tăng.

+ Chi phí sử dụng thời gian bị lãng phí: Tiền mua, thuê dùng cái thời gian bị, chi phí cho năng lượng dùng để thời gian bị, chi phí vận hành thời gian bị, bảo trì bảo dưỡng...